TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

GCỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS- ST
Ngày 26/02/2019
"V/v tranh chấp đòi QSD đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước
2. Ông Nguyễn Văn Miên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dư, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc *"tranh chấp đòi quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Văn D, 62 tuổi** (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

***2** Bị đơn:* **Ông Trần Văn V, sinh năm 1962** (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1931 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 21, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mẫu, xã VH, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Trịnh Hồng L1, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông Liêu Nghĩa H và bà Huỳnh Ngọc H1 cho mẹ ruột ông là bà Trịnh Thị S vào năm 1950. Bà S ở đến năm 1975 thì cậu ruột của ông là ông Trịnh Ngọc T mượn bà S để ở; Bà S có nói đất này bà S để cho cháu là con gái bà S tên Nguyễn Kim TH1nh thì ông T có nói là khi nào cháu TH1nh lớn thì sẽ trả lại. Năm 1982, bà S bị bệnh tai biến các con bà S họp lại giao quyền sử dụng đất của bà S cho ông, trong đó có phần ông T mượn. Năm 1986, bà S chết; Năm 1993 ông D đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, trong đó có phần đất ông T mượn. Năm 1987, ông T chuyển về thị trấn HB sinh sống để lại cho con là ông Trịnh Văn Đ ở, đến năm 1998 ông Đ chuyển về xã VH sinh sống và giao lại cho ông Trần Văn V ở để trừ số nợ 35 giạ lúa mà ông Đ thiếu nợ ông V. Ông D có đòi lại phần đất trên nhưng ông V không trả với lý do ông V đã sang nhượng lại của ông Đ. Nay, ông yêu cầu ông Trần Văn V di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả cho ông diện tích 1.790m^2, đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (Ông D không đồng ý diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế và cũng không yêu cầu đo đạt lại đất).

**** Theo bị đơn là ông Trần Văn V trình bày:*** Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Trịnh Ngọc T, sau đó ông T cho con ông T là Trịnh Văn Đ ở; Đến năm 1991 thì ông Đ chuyển nhượng cho ông với giá 70 giạ lúa và ông cùng gia đình sinh sống trên đất đến năm 2017 phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Văn D. Nay, trước yêu cầu của ông D, thì ông không đồng ý di dời tài sản để trả đất, vì đất đang tranh chấp trên là của ông nhận chuyển nhượng hợp pháp của ông Đ theo đúng quy định của pháp luật. Ông cũng không yêu cầu chi phí bồi đắp, tái tạo đất. Ngoài ra, ông V không còn ý kiến trình bày gì thêm.

**** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Ngọc T trình bày (Theo biên bản lấy lời khai):*** Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn D và ông Trần Văn V là của ông ngoại ông là ông Liêu Văn Còn chết để lại cho ông Liêu Nghĩa H và bà Trịnh Ngọc H1. Sau đó, ông H và bà H1 cho bà Trịnh Thị S ở khoảng 03 năm, đến năm 1975 thì bà S kêu ông về ở. Trước khi về sinh sống thì ông có xin của ông Liêu Nghĩa H diện tích đất (đất tranh chấp) và được ông H đồng ý. Ông T sinh sống đến năm 1986 thì tặng cho con ông T là ông Trịnh Văn Đ; Năm 1998, ông

Đ đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn V. Nay, ông D yêu cầu ông V trả quyền sử dụng đất thì ông T không đồng ý. Do đã lớn tuổi và điều kiện về sức khỏe nên ông T yêu cầu vắng mặt tại các buổi H giải và xét xử. Ngoài ra, ông không còn ý kiến trình bày gì khác.

**** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn Đ trình bày :*** Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn D và ông Trần Văn V là của ông cố ngoại ông Đ tên Liêu Văn Còn chết để lại cho ông Liêu Nghĩa H và bà Trịnh Ngọc H1. Sau đó, ông H và bà H1 cho bà Trịnh Thị S ở khoảng 03 năm, thì bà S chuyển đi nơi khác sinh sống; năm 1975, ông H tặng cho ông Trịnh Ngọc T (Cha ruột của ông Đ) diện tích đang tranh chấp; ông T sinh sống đến năm 1986 thì tặng cho ông Đ; năm 1990 ông Đ chuyển nhượng cho ông Trần Văn V. Nay, ông D yêu cầu ông V trả quyền sử dụng đất thì ông Đ không đồng ý. Do đã lớn tuổi và điều kiện về sức khỏe nên ông Đ yêu cầu vắng mặt tại các buổi H giải và xét xử. Ngoài ra, ông Đ không còn ý kiến trình bày gì khác.

**** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Thị L trình bày:*** Bà Lệ thống nhất với ý kiến ông D yêu cầu ông Trần Văn V di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả cho vợ chồng bà diện tích 1.790m^2, đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc. Ngoài ra do đã lớn tuổi và điều kiện về sức khỏe nên bà yêu cầu vắng mặt tại các buổi H giải và xét xử. Ngoài ra, bà không còn ý kiến trình bày gì khác.

**** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trịnh Hồng L1 trình bày:*** Bà thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Trần Văn V. Nay, trước yêu cầu của ông Nguyễn Văn D thì bà không đồng ý trả quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông D, vì quyền sử dụng đất nêu trên là do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Đ; Bà cũng không yêu cầu chi phí bồi đắp, tái tạo đất. Ngoài ra, bà Lệ không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông Trần Văn V và bà Trịnh Hồng L1 di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả cho ông diện tích 1.790m^2, đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Ý kiến của ông Trần Văn V không đồng ý di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả cho ông D diện tích 1.790m^2, đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ông Nguyễn Văn D cho rằng nguồn gốc đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông Liêu Nghĩa H và bà Huỳnh Ngọc H1 cho mẹ ruột ông D là bà Trịnh Thị S vào năm 1950, nhưng ông D không có chứng cứ gì để chứng minh việc vợ chồng

ông Liêu Nghĩa H và bà Huỳnh Ngọc H1 cho mẹ ruột ông D là bà Trịnh Thị S vào năm 1950. Mặt khác phần đất trên ông V đã sử dụng xuyên suốt trên 30 năm đối chiếu theo quy định của pháp luật thì phần đất này thuộc QSD hợp pháp của ông V nên không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn D yêu cầu cầu ông Trần Văn V và bà Trịnh Hồng L1 trả lại diện tích đất 1.790m^2 và di dời tài sản trên đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Đây là vụ án tranh chấp đòi quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Hồng L1, Trịnh Thị Lệ, ông Trịnh Ngọc T, Trịnh Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến H1nh xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung: Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ (đo đạc thực tế) ngày 27 tháng 03 năm 2018 và biên bản định giá, diện tích đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn D và ông Trần Văn V có vị trí, số đo cụ thể như sau:

+ Hướng đông giáp với phần đất của ông Trịnh Văn N có số đo 14,7m;

+ Hướng tây giáp lộ xi măng có số đo 26,6m;

+ Hướng N giáp với phần đất của ông Phan TH1nh N có số đo 31m + 11,6m + 37m;

+ Hướng Bắc giáp với phần đất ông Trịnh Văn N có số đo 32,9m + 7,7m + 33,6m;

Tổng diện tích là 1.495m^2, tại thửa số 105, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Giá thị trường: 140.000đ/1m^2, vậy 1.495m^2 x 140.000đ = 209.300.000đ. Trên phần đất tranh chấp gồm có các tài sản sau:

1. NH1 trước: vách thiếc, mái lợp tole, đòn tay gỗ địa phương, nền lót gạch bông, chiều ngang 4m, chiều dài 12,4m. Tổng diện tích: 49,6m^2, đơn giá 1.130.000đ/m^2, giá trị còn lại 60%. Vậy: 49,6m^2 x 1.130.000đ x 60% = 33.628.800đ.

2. NH1 sau: vách thiếc, mái lợp tole, đòn tay gỗ địa phương, nền lót gạch bông, chiều ngang 2,5m, chiều dài 2,9m. Tổng diện tích: 7,25m^2, đơn giá 1.130.000đ/m^2, giá trị còn lại 60%. Vậy: 7,25m^2 x 1.130.000đ x 60% = 4.915.500đ.

3. NH1 tạm: vách thiếc, mái lợp tole, đòn tay gỗ địa phương, nền tráng xi măng, chiều ngang 5,9m, chiều dài 4,3m. Tổng diện tích: 25,37m^2, đơn giá 850.000đ/m^2, giá trị còn lại 60%. Vậy: 25,37m^2 x 850.000đ x 60% = 12.938.700đ.

4. Mái che: mái lợp tole, đòn tay gỗ dầu, chiều ngang 6,5m, chiều dài 3,4m. Tổng diện tích: 22,1m^2, đơn giá 290.000đ/m^2. Vậy: 22,1m^2 x 290.000đ = 6.409.000đ.

5. Sân xi măng trước: chiều ngang 10m, chiều dài 9,7m. Tổng diện tích: 97m^2, đơn giá 130.000đ/m^2. Vậy: 97m^2 x 130.000đ = 12.610.000đ.

6. Sân xi măng sau: chiều ngang 7,9m, chiều dài 8m. Tổng diện tích: 63,2m^2, đơn giá 130.000đ/m^2. Vậy: 63,2m^2 x 130.000đ = 8.216.000đ.

7. Đường đi xi măng: chiều ngang 1m, chiều dài 9,6m. Tổng diện tích: 9,6m^2, đơn giá 130.000đ/m^2. Vậy: 9,6m^2 x 130.000đ = 1.248.000đ.

8. H1ng rào bằng cây bông bụp: dài 24,6m, ngang 5m + 9m. Không định được giá.

9. Cổng rào: cột xi măng cao 1,1m; 02 cửa cổng tạm cao 1,1m, ngang 1,3m (làm bằng sắt). Đơn giá 130.000đ/1m chiều ngang. Vậy: 1,3m x 400.000đ = 520.000đ.

10. Cây nước: 01 cây nước ống phi 49, đơn giá 3.720.000đ.

11. 06 cây xoài lớn đang cho trái loại B, đơn giá 344.000đ/cây. Vậy: 06 x 344.000đ = 2.064.000đ.

12. 06 cây xoài nhỏ loại C, đơn giá 65.000đ/cây. Vậy: 06 x 65.000đ = 390.000đ.

13. 02 cây cóc đang cho trái loại A, đơn giá 218.000đ/cây. Vậy: 02 x 218.000đ = 436.000đ.

14. 04 cây mít nhỏ loại C, đơn giá 221.000đ/cây. Vậy: 04 x 221.000đ = 884.000đ.

15. 10 cây chuối đang cho trái, đơn giá 100.000đ/cây. Vậy: 10 x 100.000đ = 1.000.000đ.

16. 142 cây chuối nhỏ. Không định được giá.

17. 03 cây dừa lớn đang cho trái, loại B, đơn giá 510.000đ/cây. Vậy: 03 x 510.000đ = 1.530.000đ.

18. 20 cây dừa nhỏ, đơn giá 90.000đ/cây. Vậy: 20 x 90.000đ = 1.800.000đ.

19. 03 bụi tre lớn, loại A, đơn giá 240.000đ/cây. Vậy: 03 bụi x 240.000đ = 720.000đ.

20. 09 cây mãng cầu nhỏ loại C, đơn giá 84.000đ/cây. Vậy: 09 x 84.000đ = 756.000đ.

21. 03 cây bưởi nhỏ, loại C, đơn giá 218.000đ/cây. Vậy: 03 x 218.000đ = 654.000đ.

22. 04 cây vú sửa nhỏ, loại C, đơn giá 442.000đ/cây. Vậy: 04 x 442.000đ = 1.768.000đ.

23. 05 cây ổi nhỏ, đơn giá 55.000đ/cây. Vậy: 05 x 55.000đ = 275.000đ.

24. 05 cây cam nhỏ, đơn giá 55.000đ/cây. Vậy: 05 x 55.000đ = 275.000đ.

25. 23 bụi bông trang. Không định giá được.

26. 10 cây mai vàng nhỏ. Không định giá được tài sản.

27. 01 chuồng gà cất bằng cây gỗ địa phương. Không định giá được tài sản.

28. 02 ao cạn. Không định giá được tài sản.

29. 01 nH1 vệ sinh tạm. Không định giá được tài sản.

Tổng giá trị các tài sản là: 306.058.000đ.

Phần diện tích đất đang tranh chấp và các tài sản trên vợ chồng ông Trần Văn V đang quản lý, sử dụng.

Về nguồn gốc đất tranh chấp ông Nguyễn Văn D cho rằng nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Liêu Nghĩa H và bà Huỳnh Ngọc H1 cho mẹ ruột ông là bà Trịnh Thị S vào năm 1950. Năm 1975 ông Trịnh Ngọc T mượn để ở. Năm 1987 ông T để lại cho ông Trịnh Văn Đ ở. Đến năm 1998 ông Đ giao cho ông V ở. Việc ông Liêu Nghĩa H và bà Huỳnh Ngọc H1 tặng cho bà Trịnh Thị S đất ông Nguyễn Văn D có cung cấp cho tòa án tờ giấy cho đất ngày 19/08/2015 trong đó có ghi nội dụng *"... trước đây 1950 vợ chồng tôi có đồng ý cho cháu ruột Trịnh Thị S ... số diện tích 1.790m^2 ..."* có chữ ký của bà Huỳnh Ngọc H1 và con ruột bà H1 là ông Liêu TH1nh Thắng ký xác nhận. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019 ông Liêu TH1nh Thắng xác định tại thời điểm viết tờ giấy cho đất trên mẹ ông bà Huỳnh Ngọc H1 không đủ sức khỏe, tinh thần không còn minh mẫn. Mặt khác bà Huỳnh Ngọc H1 không biết chữ nên không có việc bà H1 ký xác nhận vào tờ giấy cho đất. Đối với chữ ký của ông trong tờ giấy cho đất lý do ông ký tên là ông D đã viết sẵn nội dung đem đến nH1 nhờ ông ký tên, ông nghĩ tình làng nghĩa xóm ký tên mà không biết nội dung là gì, việc ông H và bà H1 có cho bà S đất hay không ông không biết và không nghe nói. Ngoài tờ giấy xác nhận cho đất ngày 19/08/2015 ông D không cung cấp thêm được chứng cứ nào chứng minh việc ông H – bà H1 cho đất bà S. Đối với việc bà S cho ông T mượn đất ông D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là*"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".*

Mặt khác, ông D cho rằng đất do ông T mượn của bà S nhưng khi ông T cho ông Đ đất và ông Đ cấn trừ đất cho ông Trần Văn V để cấn trừ số nợ 35 giạ lúa mà ông Đ thiếu nợ ông V ông D không những không có ý kiến phản đối mà khi ông Trần Văn V làm nH1 ông D không ngăn cảnmà còn qua làm giúp điều này chính ông D thừa nhận tại phiên tòa ngày hôm nay.

Ông D khai diện tích đất đang tranh chấp ông đã được UBND huyện HB cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 0187 và thửa đất số 0190 đất tọa lạc tại ấp NL, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu theo quy định số 82 ngày 23/04/1994 nhưng tại công văn số 07/UBND ngày 18/06/2018 của UBND xã MD và công văn số 52 ngày 25/06/2018 của phòng Tài nguyên môi trường huyện HB xác định phần đất đang tranh chấp giữa ông D và ông V chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Như vậy thửa đất đang tranh chấp giữa ông D và ông V vời thửa đất ông Nguyễn Văn D được cấp giấy chứng nhận QSD đất là hai thửa khác nhau. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D không có ý kiến yêu cầu đo đạc hay xem xét đối với thửa đất mà ông đã được cấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những chứng cứ phân tích nêu trên đủ cơ sở để khẳng định nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Liêu Nghĩa H và bà Huỳnh Ngọc H1 cho ông Trịnh Ngọc T và ông T cho ông Trịnh Ngọc Đ, ông Trịnh Ngọc Đ chuyển nhượng hợp pháp cho ông V nên việc ông Nguyễn Văn D đòi ông Trần Văn V trả lại diện tích 1.790 m^2 và di dời tài sản trên đất là không có căn cứ được chấp nhận.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D không được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 buôc ông Nguyễn Văn D phải chịu 1.150.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D đã dự nộp tạm ứng 1.050.000 đồng được chuyển thu.

Án phí sơ thẩm dân sự, ông Nguyễn Văn D được miễn toàn bộ. Ông Nguyễn Văn D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003769 ngày 27/11/2017 của chi cục thi H1nh án dân sự huyện HB được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; mục 1.1 D mục án phí, điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326

* Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D đòi ông Trần Văn V trả lại quyền sử dụng đất diện tích 1.790m^2.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D không được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 buôc ông Nguyễn Văn D phải chịu 1.050.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D đã dự nộp tạm ứng 1.150.000 đồng được chuyển thu.

3. Án phí sơ thẩm dân sự, ông Nguyễn Văn D được miễn toàn bộ án phí. Ông Nguyễn Văn D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003769 ngày 27/11/2017 của chi cục thi H1nh án dân sự huyện HB được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu.
- VKSND huyện HB.
- Chi cục THA dân sự huyện HB
- Các đương sự.
- Lưu

Lê Thị Nam